Câu 1.

Từ nào dưới đây chỉ trạng thái cảm xúc?

A. hiền lành

B. can đảm

C. hồi hộp

D. dũng cảm

Câu 2.

Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

A. chữa trị

B. chí hướng

C. truyển đổi

D. trang trí

Câu 3.

Câu thơ nào dưới đây sử dụng biện pháp nhân hoá?

A. Đi qua xóm núi Thậm Thình

Bâng khuâng nhớ nước non mình nghìn năm.

(Nguyễn Bùi Vợi)

B. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát.

(Viễn Phương)

C. Đêm nay trǎng lại sáng rồi

Trung thu nhớ Bác cháu ngồi cháu trông.

(Thanh Hải)

D. Lặng thầm đất cũng say sưa

Chắt chiu màu mỡ bốn mùa nuôi cây.

(Lê Hồng Thiện)

Câu 4.

Hình ảnh nào dưới đây thích hợp để minh hoạ cho đoạn thơ sau?

Xuân về trên khắp khu rừng

Đàn chim chao liệng, tưng bừng vui ca

Cây thay áo mới điệu đà

Vui mừng con suối ngân nga khúc nhạc.

(Theo Thu Hoài)

A.  A river running through a mountain valley

Description automatically generated

B. Horses running horses in a field of flowers

Description automatically generated

C. A river running through a valley with houses and mountains

Description automatically generated

D. A stream running through a rice field

Description automatically generated

Câu 5.

Đoạn thơ nào dưới đây sử dụng biện pháp so sánh?

A. Chiếc đèn lồng xinh xắn

Tặng bạn nhỏ vùng cao

Mong các bạn vui hơn

Trong đêm rằm tháng Tám.

(Sưu tầm)

B. Quyển vở này mở ra

Bao nhiêu trang giấy trắng

Từng dòng kẻ ngay ngắn

Như chúng em xếp hàng.

(Quang Huy)

C. Mùa thu của em

Rước đèn họp bạn

Hội rằm tháng Tám

Chị Hằng xuống xem.

(Quang Huy)

D. Đứng canh ngày, canh đêm

Ngoài xa vời hải đảo

Kìa bóng chú hải quân

Dưới trời xanh trứng sáo.

(Vân Đài)

Câu 6.

Đoạn thơ dưới đây thể hiện điều gì?

Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

Đêm nay con ngủ giấc tròn,

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Trần Quốc Minh)

A. Tình yêu thương, sự hi sinh của mẹ dành cho con

B. Tình yêu, nỗi nhớ mong của người con dành cho mẹ

C. Niềm tự hào của mẹ khi thấy con trưởng thành, khôn lớn

Câu 7.

Nam nhìn thấy một em nhỏ đổ rác xuống hồ nước nên muốn nhắc nhở. Trong trường hợp này, Nam nên nói như thế nào?

A child throwing garbage into a trash can

Description automatically generated

A. Em đã biết cách nhận biết rác hữu cơ chưa?

B. Em phải vứt rác đúng nơi quy định, đừng vứt xuống hồ!

C. Hôm qua, cô giáo đã dạy anh cách phân loại rác thải đấy.

Câu 8.

Câu tục ngữ nào dưới đây khuyên chúng ta nên sẻ chia, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn?

A. Một kho vàng chẳng bằng một nang chữ.

B. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

C. Lá lành đùm lá rách.

D. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

Câu 9.

Câu văn nào dưới đây sử dụng biện pháp so sánh miêu tả đúng hình ảnh sau?

A red and yellow dragonfly on a leaf

Description automatically generated

A. Chú chuồn chuồn như một chiếc máy bay tí hon.

B. Chú chuồn chuồn dang đôi cánh mỏng, bay là là mặt nước.

C. Chú cánh cam mũm mĩm, mặc áo sặc sỡ, đậu trên chiếc lá xanh.

D. Chú bọ ngựa có đôi càng như chiếc kìm tí hon.

Câu 10.

Câu văn nào sử dụng biện pháp so sánh và nhân hoá miêu tả đúng hình ảnh dưới đây?

A river running through a valley with houses and mountains

Description automatically generated

A. Trong ánh hoàng hôn, dòng sông như một dải lụa đào mềm mại.

B. Chiều tà, ông mặt trời như hòn lửa đỏ rực, nhuộm hồng cả bầu trời.

C. Hoàng hôn, ông mặt trời xuống núi ngủ, nhường chỗ cho vầng trăng lên cao.

Câu 11.

"Những chùm vải" thích hợp ghép với đáp án nào dưới đây để tạo thành câu hoàn chỉnh?

A. có vị ngọt béo, bên trong chứa nhiều múi vàng ươm

B. vàng ươm, được gieo trồng tại vùng đất đỏ ở Tây Nguyên

C. đỏ tươi, thơm ngọt, được thu hoạch ở huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

Câu 12.

Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng.

(1) Cạnh nơi ở của loài nai là nơi ở của loài hươu. (2) Ban ngày, chúng ẩn náu trong những lùm cây hoặc những bờ lau sậy um tùm , chiều xuống mới ra đi ăn, hửng sáng lại trở về ổ nằm ngủ. (3) Chúng không đẹp: mình dài, chân ngắn, lông màu vàng nhạt hoặc nâu đen. (4) Thế nhưng chúng lại là những con vật dũng cảm nhất trong loài có gạc.

(Theo Vũ Hùng)

A. Đoạn văn trên có 2 câu giới thiệu.

B. Tất cả các từ in đậm trong đoạn văn trên là tính từ.

C. Đoạn văn trên có 2 câu sử dụng biện pháp so sánh.

D. Câu (1) là câu nêu đặc điểm.

Câu 13.

Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống:

Gia đình em cùng nhau đi chợ nổi Cái Răng [[.]]

Bạn đã từng đến thăm Địa đạo Củ Chi chưa [[?]]

Ôi, làng hoa Sa Đéc đẹp quá [[!]]

Câu 14.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

Hải Vân bát ngát nghìn trùng

Hòn Hồng sừng sững đứng trong vịnh Hàn.

Câu ca dao trên có [[3]] danh từ riêng.

Câu 15.

Điền cặp từ có nghĩa giống nhau để hoàn thành câu tục ngữ sau:

Ăn [[lành]] nói [[phải]] , mọi tật mọi lành.

Câu 16.

Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Bạn có thấy lạ không

Mỗi đứa mình một khác

Cùng ngân nga câu hát

Chẳng dọng nào giống nhau.

(Theo Huỳnh Mai Liên)

Đoạn thơ trên có từ [[dọng]] viết sai chính tả, sửa lại đúng là [[giọng]].

Câu 17.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

Mặt trời dậy lúc ban mai

Canh cho trăng ngủ ngày dài bình yên

Mặt trời lặn, mặt trăng lên

Thay nhau trực nhật có đêm, có ngày.

(Lê Hồng Thiện)

Đoạn thơ trên có [[3]] tính từ.

Câu 18.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

Từ các tiếng "tráng, hùng, hậu, vĩ" có thể ghép được tất cả [[6]] từ.

Câu 19.

Giải câu đố sau:

Giữ nguyên bộ phận để bay

Bỏ sắc thành món hằng ngày chan cơm.

Từ giữ nguyên là từ gì?

Đáp án: từ [[cánh]]

Câu 20.

Đọc đoạn văn sau và ghép nội dung tương ứng ở hai vế với nhau.

Quanh thân, từ gốc trở lên, rải rác những trái mít to bự. Trái nhỏ nhất cũng bằng một vòng hai bàn tay tôi. Vỏ có màu xanh pha vàng, xù xì những chiếc gai dày và nhọn. Lúc sắp chín, trái mít ngả sang màu vàng đậm, gai dãn thưa ra. Mít chín, bổ ra thơm lựng, cả múi và xơ đều vàng óng, vị ngọt ngào thật dễ chịu trên đầu lưỡi.

(Sưu tầm)

- Lúc sắp chín, trái mít [(ngả sang màu vàng đậm, gai dãn thưa ra.)]

- Lúc chín, cả múi và xơ mít [(đều vàng óng, vị ngọt ngào thật dễ chịu.)]

- Vỏ mít [(có màu xanh pha vàng, xù xì những chiếc gai dày và nhọn.)]

Cột bên phải

- có màu xanh pha vàng, xù xì những chiếc gai dày và nhọn.

- đều vàng óng, vị ngọt ngào thật dễ chịu.

- ngả sang màu vàng đậm, gai dãn thưa ra.

Câu 21.

Ghép từ ở cột bên trái với nội dung tương ứng ở cột bên phải để tạo thành câu văn hoàn chỉnh.

- đã [(Chúng em đã hoàn thành báo tường vào hôm qua.)]

- đang [(Các bạn học sinh đang nô đùa ngoài sân thì nghe thấy tiếng trống báo giờ vào lớp.)]

- sẽ [(Lớp em sẽ tham gia thi kéo co vào cuối tuần sau.)]

Cột bên phải

- Các bạn học sinh [...] nô đùa ngoài sân thì nghe thấy tiếng trống báo giờ vào lớp.

- Lớp em [...] tham gia thi kéo co vào cuối tuần sau.

- Chúng em [...] hoàn thành báo tường vào hôm qua.

Câu 22.

Hãy xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp.

xung phong

hào hùng

anh dũng

giữ gìn

chiến sĩ

công an

hùng tráng

chiến đấu

thương binh

Dưới đây là các nhóm:

Danh từ [[chiến sĩ || công an || thương binh]], [[chiến sĩ || công an || thương binh]], [[chiến sĩ || công an || thương binh]]

Động từ [[xung phong || giữ gìn || chiến đấu]], [[xung phong || giữ gìn || chiến đấu]], [[xung phong || giữ gìn || chiến đấu]]

Tính từ [[hào hùng || anh dũng || hùng tráng]], [[hào hùng || anh dũng || hùng tráng]], [[hào hùng || anh dũng || hùng tráng]]

Câu 23.

Hãy xếp các cặp từ sau vào nhóm thích hợp.

thuỳ mị - dịu hiền

đồ sộ - to lớn

nông cạn - sâu sắc

hoà bình - chiến tranh

ăn năn - hối hận

hẹp hòi - rộng lượng

kiên cố - vững chắc

khoẻ mạnh - yếu ớt

miệt mài - mải mê

thật thà - gian dối

Dưới đây là các nhóm:

Cặp từ có nghĩa trái ngược nhau [[nông cạn - sâu sắc || hoà bình - chiến tranh || hẹp hòi - rộng lượng || khoẻ mạnh - yếu ớt || thật thà - gian dối]], [[nông cạn - sâu sắc || hoà bình - chiến tranh || hẹp hòi - rộng lượng || khoẻ mạnh - yếu ớt || thật thà - gian dối]], [[nông cạn - sâu sắc || hoà bình - chiến tranh || hẹp hòi - rộng lượng || khoẻ mạnh - yếu ớt || thật thà - gian dối]], [[nông cạn - sâu sắc || hoà bình - chiến tranh || hẹp hòi - rộng lượng || khoẻ mạnh - yếu ớt || thật thà - gian dối]], [[nông cạn - sâu sắc || hoà bình - chiến tranh || hẹp hòi - rộng lượng || khoẻ mạnh - yếu ớt || thật thà - gian dối]]

Cặp từ có nghĩa giống nhau [[thuỳ mị - dịu hiền || đồ sộ - to lớn || ăn năn - hối hận || kiên cố - vững chắc || miệt mài - mải mê]], [[thuỳ mị - dịu hiền || đồ sộ - to lớn || ăn năn - hối hận || kiên cố - vững chắc || miệt mài - mải mê]], [[thuỳ mị - dịu hiền || đồ sộ - to lớn || ăn năn - hối hận || kiên cố - vững chắc || miệt mài - mải mê]], [[thuỳ mị - dịu hiền || đồ sộ - to lớn || ăn năn - hối hận || kiên cố - vững chắc || miệt mài - mải mê]], [[thuỳ mị - dịu hiền || đồ sộ - to lớn || ăn năn - hối hận || kiên cố - vững chắc || miệt mài - mải mê]]

Câu 24.

Sắp xếp các chữ sau thành từ chỉ phẩm chất của con người.

g

n

d

ả

ũ

m

c

[(d)] [(ũ)] [(n)] [(g)] [(c)] [(ả)] [(m)]

Câu 25.

Sắp xếp các câu văn sau thành một câu chuyện hoàn chỉnh.

- Nhưng lúc này, các bác nông dân nghĩ là chú lại lừa mình, nên vẫn thản nhiên làm việc.

- Rồi một hôm, sói đến thật, chú hốt hoảng kêu gào xin mọi người cứu giúp.

- Thế là đàn cừu của chú bé bị sói ăn thịt, còn chú thì nhận được một bài học đắt giá.

- Có một chú bé chăn cừu thường thả cừu gần chân núi.

- Mấy hôm sau, chú lại bày ra trò ấy để lừa mọi người khiến ai nấy rất tức giận.

- Nghe tiếng kêu cứu, mấy bác nông dân vội vàng chạy tới nhưng họ không thấy sói đâu, chỉ có chú bé chăn cừu đứng cười ngặt nghẽo.

- Một hôm thấy buồn chán quá, chú nghĩ ra một trò đùa, giả vờ kêu toáng lên: "Sói! Sói! Cứu tôi với!".

[[Có một chú bé chăn cừu thường thả cừu gần chân núi.]]

[[Một hôm thấy buồn chán quá, chú nghĩ ra một trò đùa, giả vờ kêu toáng lên: "Sói! Sói! Cứu tôi với!".]]

[[Nghe tiếng kêu cứu, mấy bác nông dân vội vàng chạy tới nhưng họ không thấy sói đâu, chỉ có chú bé chăn cừu đứng cười ngặt nghẽo.]]

[[Mấy hôm sau, chú lại bày ra trò ấy để lừa mọi người khiến ai nấy rất tức giận.]]

[[Nhưng lúc này, các bác nông dân nghĩ là chú lại lừa mình, nên vẫn thản nhiên làm việc.]]

[[Rồi một hôm, sói đến thật, chú hốt hoảng kêu gào xin mọi người cứu giúp.]]

[[Thế là đàn cừu của chú bé bị sói ăn thịt, còn chú thì nhận được một bài học đắt giá.]]

Câu 26.

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống sau:

Từ [[khoan thai]] có nghĩa giống với từ "ung dung".

Câu 27.

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống sau:

Từ [[kiệt xuất]] có nghĩa là "vượt trội hẳn lên về giá trị, tài năng so với bình thường".

Câu 28.

Chọn tiếng thích hợp điền vào chỗ trống sau:

Tiếng "danh" ghép với tiếng [[điểm]] để tạo thành động từ.

Câu 29.

Chọn thành ngữ thích hợp điền vào chỗ trống:

Đất nước ta có [[rừng vàng biển bạc]] , đất đai màu mỡ.

Câu 30.

Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn miêu tả hình ảnh sau:

A painting of people walking on a road

Description automatically generated

Cây đa già đứng trầm ngâm, vươn cành lá [[xanh mướt]] ra che mát con đường làng. Trên vòm lá [[um tùm]], từng đàn chim bay về, hót ríu rít những khúc ca vui nhộn.